PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT (SDS / MSDS — CHUẨN GHS 16 MỤC)

Axit Phosphoric H_3PO_4 85% (Phosphoric Acid H3PO4 85% (Food & Industrial Grade)) — Số CAS: 7664-38-2

PHẦN I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

1. Tên sản phẩm / Tên thương mại	**Axit Phosphoric H_3PO_4 85%** (Phosphoric Acid H3PO4 85% (Food & Industrial Grade))
Công thức hóa học & Số CAS / UN	Công thức: **H_3PO_4** | Số CAS: **7664-38-2** | Số UN: **UN 1805**
2. Mục đích sử dụng công nghiệp	Photphat hóa bề mặt thép trước sơn tĩnh điện, tẩy gỉ kim loại, bổ sung dinh dưỡng Photpho (C:N:P) cho vi sinh hiếu khí
3. Thông tin Nhà cung cấp & Liên hệ khẩn cấp 24/7	**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN LỘC THIÊN** Trụ sở pháp lý: 452/6B Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh Hệ thống 6 kho: BR-VT (Phú Mỹ), Đồng Nai (Long Thành), Bình Dương (Dĩ An), Đà Nẵng (Hòa Khánh), Cần Thơ (Ô Môn), Bắc Ninh (Tiên Du) Hotline kỹ thuật & ứng cứu sự cố: **0979 891 929** | Email: **locthien@locthien.vn** | Web: https://hoachatlocthien.com/msds/h3po4-85

PHẦN II. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT (GHS)

Phân loại nguy hiểm theo GHS	**Met. Corr. 1 (H290), Skin Corr. 1B (H314), Eye Dam. 1 (H318)** 金属腐蚀物 类别1 (H290)；皮肤腐蚀/刺激 类别1B (H314)；严重眼损伤 类别1 (H318)
Cảnh báo & Đường phơi nhiễm	Tuân thủ nghiêm ngặt quy định an toàn tại nơi làm việc theo Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 và QCVN 05:2021/BYT.

PHẦN III. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần hóa học chính	Phosphoric Acid H3PO4 85% (Food & Industrial Grade) (H_3PO_4) — Số CAS: 7664-38-2
Hàm lượng & Quy cách thương mại	H_3PO_4 ≥ 85,0%, tỷ trọng 1,685 g/cm³ (20°C), can 35kg hoặc Tank IBC 1.600kg

PHẦN IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mắt: Rửa ngay dưới vòi nước sạch ít nhất 15 phút và chuyển đến bác sĩ chuyên khoa. Da: Cởi bỏ quần áo dính axit, rửa kỹ bằng nhiều nước sạch. Hô hấp: Đưa ra nơi thoáng khí. Tiêu hóa: Súc miệng, uống nước, KHÔNG gây nôn.

PHẦN V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Bản thân sản phẩm là hóa chất vô cơ không tự bốc cháy. Khi có đám cháy bao quanh khu vực kho, sử dụng bình bột khô, CO_2 hoặc phun sương nước làm mát bao bì/bồn chứa ở đầu gió. Nhân viên cứu hỏa trang bị mặt nạ phòng độc và đồ bảo hộ chịu hóa chất.

PHẦN VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ TRÀN ĐỔ

Trang bị đầy đủ PPE trước khi tiếp cận khu vực sự cố. Cô lập khu vực rò rỉ, ngăn không cho hóa chất tràn trực tiếp xuống cống thoát nước mưa. Đối với hóa chất rắn: thu gom khô vào thùng chứa HDPE có nắp đậy. Đối với hóa chất lỏng: quây đê cát/vật liệu thấm hút trơ và trung hòa kiểm soát pH trước khi dẫn về trạm XLNT tập trung.

PHẦN VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, THAO TÁC VÀ BẢO QUẢN

Bảo quản trong can nhựa HDPE 35kg, Tank IBC 1.600kg hoặc bồn Inox 316L tại kho khô mát, có gờ chống tràn. Tránh tiếp xúc với kiềm mạnh (NaOH, KOH) và kim loại hoạt động mạnh (sinh khí H_2).

PHẦN VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ PHƯƠNG TIỆN BẢO HỘ CÁ NHÂN (PPE)

Kính bảo hộ chống văng bắn hóa chất, găng tay cao su chịu axit, tạp dề PVC/Neoprene và ủng bảo hộ.

PHẦN IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Chất lỏng sánh trong suốt, không màu, không mùi; pH (dung dịch 1%): 1,5; Tỷ trọng ở 20°C: 1,685 g/cm³; Điểm kết tinh: ~21°C; Điểm sôi: 158°C; Tan vô hạn trong nước và ethanol.

PHẦN X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

Ổn định trong điều kiện bảo quản và vận hành công nghiệp tiêu chuẩn. Tránh tiếp xúc với các chất không tương thích (axit mạnh đối với chất kiềm/muối cacbonat; kiềm mạnh và kim loại nhẹ đối với axit).

PHẦN XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tuân thủ phân loại độc tính cấp tính và ăn mòn/kích ứng da-mắt theo GHS (Met. Corr. 1 (H290), Skin Corr. 1B (H314), Eye Dam. 1 (H318)). Không được 분류 là chất gây ung thư theo danh mục IARC/OSHA.

PHẦN XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI MÔI TRƯỜNG

Không xả trực tiếp hóa chất chưa qua trung hòa/xử lý ra nguồn tiếp nhận tự nhiên. Nước thải sau công đoạn sản xuất phải được đưa về hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả thải.

PHẦN XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Chất thải và bao bì dính hóa chất được quản lý, thu gom và bàn giao cho đơn vị có chức năng xử lý chất thải công nghiệp/nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và Luật Hóa chất 69/2025/QH15.

PHẦN XIV. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Số UN: **UN 1805**. Vận chuyển bằng phương tiện xe tải thùng / xe bồn chuyên dụng của Hóa Chất Lộc Thiên tuân thủ Nghị định quy định về vận chuyển hàng hóa nguy hiểm đường bộ.

PHẦN XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT VIỆT NAM

Tuân thủ Luật Hóa chất số **69/2025/QH15**; Nghị định **24/2026/NĐ-CP**, **25/2026/NĐ-CP** và **26/2026/NĐ-CP** quy định chi tiết thi hành Luật Hóa chất; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia **QCVN 05:2021/BYT** và **QCVN 40:2025/BTNMT**.

PHẦN XVI. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày hiệu lực bản cập nhật: **Năm 2026 (Phiên bản chuẩn hóa GHS 16 mục)**.
Đơn vị biên soạn & phát hành: **Phòng Kỹ Thuật & QA/QC — Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Lộc Thiên**.

© Hoa Chat Loc Thien — MST 0313650856 — hoachatlocthien.com/msds/h3po4-85 — Hotline: 0979 891 929 — Email: locthien@locthien.vn